

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTCTH-TTHT
V/v hướng dẫn quyết toán thuế
TNDN kỳ tính thuế năm 2023

Cần Thơ, ngày tháng năm

Kính gửi: Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức kinh tế,
đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung số 32/2013/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13.

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế; Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Để đảm bảo kịp thời hướng dẫn cho các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp) thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thống nhất theo quy định của pháp luật thuế TNDN, pháp luật về quản lý thuế hiện hành, Cục Thuế TP. Cần Thơ hướng dẫn một số nội dung quyết toán thuế TNDN kỳ tính thuế năm 2023 như sau:

1. Về Quyết toán thuế TNDN

a) Khai quyết toán thuế TNDN:

Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Doanh nghiệp thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Doanh nghiệp không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Lưu ý:

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 3 Điều 1 Nghị định số **91/2022/NĐ-CP** ngày 30/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số **126/2020/NĐ-CP** ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế:

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế được tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó theo quy định của Bộ luật Dân sự.

c) Địa điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính theo các trường hợp thực hiện phân bổ thuế TNDN theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính.

d) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp:

d.1) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu trừ chi phí:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số **80/2021/TT-BTC** ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

*** Các phụ lục kèm theo:**

Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

+ Các phụ lục về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 03-3A/TNDN; Mẫu số 03-3B/TNDN; Mẫu số 03-3C/TNDN; 03-3D/TNDN.

+ Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài theo mẫu số 03-4/TNDN.

+ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN.

+ Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo mẫu số 03-6/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất theo mẫu số 03-8/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-8A/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo mẫu số 03-8B/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo mẫu số 03-8C/TNDN.

+ Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo mẫu số 03-9/TNDN.

d.2) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số **80/2021/TT-BTC** ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Riêng Doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ **không bắt buộc** phải lập báo cáo tài chính để nộp cho cơ quan thuế.

e) Người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Nghị định số **132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ thực hiện kê khai các mẫu kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN như sau:**

- Phụ lục I: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết.

- Phụ lục II: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia.

- Phụ lục III: Danh mục các - Trường hợp người nộp thuế là Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế từ mười tám nghìn tỷ đồng trở lên, có trách nhiệm lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Thời hạn nộp Báo cáo cho Cơ quan thuế chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao.

f) Miễn kê khai, miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:

- Doanh nghiệp được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP; miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

- Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

+ Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;

+ Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP;

+ Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu thuần, bao gồm các lĩnh vực như sau:

Phân phối: Từ 5% trở lên;

Sản xuất: Từ 10% trở lên;

Gia công: Từ 15% trở lên.

Trường hợp người nộp thuế theo dõi, hạch toán riêng doanh thu, chi phí của từng lĩnh vực thì áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần tương ứng với từng lĩnh vực.

Trường hợp người nộp thuế theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu nhưng không theo dõi, hạch toán riêng được chi phí phát sinh của từng lĩnh vực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thì thực hiện phân bổ chi phí theo tỷ lệ doanh thu của từng lĩnh vực để áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần tương ứng với từng lĩnh vực.

Trường hợp người nộp thuế không theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu và chi phí của từng lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với từng lĩnh vực thì áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần của lĩnh vực có tỷ suất cao nhất.

Trường hợp người nộp thuế không áp dụng theo mức tỷ suất lợi nhuận thuần quy định tại điểm này thì phải lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định.

2. Về Báo cáo tài chính:

a) Doanh nghiệp mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp gồm các biểu mẫu sau:

- | | |
|--|---------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DN |

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở sổ sách kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các biểu mẫu sau:

b.1) Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- | | |
|--|-----------------|
| - Báo cáo bắt buộc: | |
| + Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01a-DNN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DNN |
| + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DNN |

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b-DNN thay cho Mẫu số B01a-DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01-DNN).

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mẫu số B03-DNN

b.2) Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

+ Báo cáo tình hình tài chính

Mẫu số B01-DNNKLT

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02-DNN

+ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu số B09-DNNKLT

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mẫu số B03-DNN

c) Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ mở SSKT theo quy định tại Thông tư số 132/2018/T-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ tài chính bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính

Mẫu số B01-DNSN

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02-DNSN

- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu số B09-DNN

Trên đây là những nội dung quy định về kê khai quyết toán thuế TNDN kỳ tính thuế năm 2023, Cục Thuế thông báo đến Quý doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên qua email;
- UBND Thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Sở, Ngành Thành phố;
- Đài PTTH Cần Thơ; Báo Cần Thơ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Phòng NVDTPC, TTKT1, 2; KK-KTT; “phối hợp”;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc “triển khai đến NNT thuộc đơn vị mình quản lý”;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (VTr)

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Huỳnh Tấn Phát